TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NAM TỪ LIÊM** THÀNH PHỐ HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 31/10/2017
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lý Kế Hiền

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Bà Dương Thị Thảo
2. Ông Tạ Đăng Kiên

- Thư ký phiên toà: Bà Triệu Thúy Hà – Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 31/10/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Nam Từ Liêm, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 293/2017/TLST-HNGĐ ngày 16/8/2017, về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2017/QĐST-HNGĐ ngày 06/10/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Anh Huỳnh Ngọc S sinh năm: 1968**

Địa chỉ nơi ở: Số 12, đường Vĩnh Quỳnh, Khu Ga, Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: **Chị Nguyễn Thị T sinh năm: 1971**

Địa chỉ nơi ở: Tổ dân phố số 6, Ngọc Mạch, phường Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

(Có mặt anh S, vắng mặt chị T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/7/2017, bản tự khai, trong quá trình xét xử, Nguyên đơn là anh Huỳnh Ngọc S trình bày: Anh và chị T tự nguyện tìm hiểu kết hôn theo truyền thống năm 1992 và đăng ký kết hôn vào ngày 23.8.1995 tại UBND xã Xuân Phương, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 1998 chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tại Xuân Phương. Thời gian đầu tôi vẫn lên Xuân Phương ở cùng với Chị T thuyết phục Chị về nhà nhưng không được, mâu thuẫn do kinh tế gia đình khó khăn, bất đồng quan điểm về mọi mặt, nhiều lần xảy ra cãi nhau, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, năm 2001 chị T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan đến năm 2010 về nước nhưng không về nhà ở với anh mà về ở nhà bố mẹ đẻ Chị. Vợ chồng Anh, chị ly thân từ đó cho đến nay. Anh đã nhiều lần gặp Chị để nói chuyện nhưng Chị không đồng ý về cũng không đồng ý ly hôn. Nay Anh xác định không còn tình cảm với chị T và đề nghị Tòa án giải quyết cho Anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thơm.

Về con chung: Anh S và chị T có hai con chung là cháu Huỳnh Ngọc Hà sinh ngày 02/12/1993, cháu thứ hai tên là Huỳnh Ngọc Long sinh ngày 26.01.2000. Ly hôn cháu Hà đã trưởng thành muốn ở với ai là tùy cháu, anh S xin tiếp tục được nuôi cháu Long vì cháu ở với anh từ khi còn nhỏ cho đến nay, anh S không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Nợ chung: Vợ chồng không vay ai cũng không cho ai vay.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị Ttrình bày. Về điều kiện kết hôn và thời gian kết hôn như anh S trình bầy là đúng. Lý do mâu thuẫn vợ chồng là do bố mẹ anh S không ưa Chị nên năm 2003 Chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan đến năm 2006 thì về nước. Tôi cũng nói chuyện với anh S về ở cùng tôi tại Xuân Phương nhưng anh S không đồng ý vẫn ở Văn Điển nên Anh, Chị sống ly thân anh S từ đó cho đến nay đã 14 năm. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhưng vẫn không muốn ly hôn, vì cháu Hà đang làm đồ án tốt nghiệp đi du học tại Nhật bản, nên Chị chưa muốn ly hôn Anh.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung như anh S trình bày là đúng. Nếu phải ly hôn anh S cháu Hà đã trưởng thành cháu muốn ở với ai là tùy cháu, còn cháu Long nguyện vọng muốn ở với ai Chị cũng tôn trọng nguyện vọng của cháu. Chị vẫn cấp dưỡng đầy đủ còn anh S không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con chung khi nào có Chị sẽ cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị có tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Anh Huỳnh Ngọc S vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở trên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến

trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 28; 68; 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70; 71; 234 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành theo Điều 70;72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; 81; 82; 83 – Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Huỳnh Ngọc S đối với chị Nguyễn Thị Thơm. Anh Huỳnh Ngọc S được ly hôn chị Nguyễn Thị Thơm. Về con chung: Cháu Huỳnh Ngọc Hà sinh ngày 02/12/1993. Cháu Hà đã trưởng thành muốn ở với ai là tùy cháu. Giao cho anh S nuôi cháu Huỳnh Ngọc Long sinh ngày 26.01.2000. Tạm miễn cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T vì anh S không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là chị Nguyễn Thị Tvắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn là chị Nguyễn Thị Tvắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Ngọc S:

- *Về quan hệ hôn nhân:*Anh Huỳnh Ngọc S và chị Nguyễn Thị Tkết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 23.8.1995 tại UBND xã Xuân Phương, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội(nay là phường Phương Canh quận Nam Từ Liêm) là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án anh S, chị T đều khẳng định vợ chồng sống ly thân từ lâu, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không còn tình cảm với nhau. Anh S xin ly hôn chị T cũng đồng ý ly hôn nhưng không đồng ý giải quyết ly hôn ngay vì lý do cháu Hà đang làm đồ án tốt nghiệp muốn chứng minh tài sản để đi du học Nhật bản và đề nghị cho chị T một thời gian nữa Chị sẽ ly hôn. Từ năm 1998 chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ Chị tại Xuân Phương, năm 2001 chị T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan đến năm 2010 về nước Chị không về nhà ở cùng với anh S. Anh, chị ly thân từ đó cho đến nay là 14 năm.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa anh S và chị T đã thật sự trầm trọng, cả hai bên đều không thực hiện các nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho

hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Lý do không đồng ý ly hôn của Chị T do chờ cháu Hà làm đồ án tốt nghiệp, không phải là lý do chính đáng nên không được chấp nhận Vì vậy, có đủ căn cứ để chấp nhận đơn khởi kiện của anh S, cho anh S được ly hôn với chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về con chung*: Anh S và chị T có hai con chung là cháu Huỳnh Ngọc Hà sinh ngày 02/12/1993, cháu thứ hai tên là Huỳnh Ngọc Long sinh ngày 26.01.2000. Ly hôn cháu Hà đã trưởng thành muốn ở với ai là tùy cháu, anh S xin tiếp tục được nuôi cháu Long, anh S không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Tại bản tự khai ngày 15.8.2017 của cháu Long cũng có nguyện vọng được ở với bố khi bố, mẹ ly hôn.

Xét thấy: Nguyện vọng của cháu long và nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con của anh S là chính đáng, thể hiện quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung, là phù hợp thực tế, với pháp luật nên chấp nhận giao cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Huỳnh Ngọc Long sinh ngày 26.01.2000 sau ly hôn nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung và phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tạm miễn cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T vì anh S không có yêu cầu. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị T, anh S không yêu cầu Tòa giải quyết nên Tòa không xem xét.

[3] *Về án phí:* Anh Huỳnh Ngọc S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, 57,81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 và các điều 273, 275 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điểm a Khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

- Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Huỳnh Ngọc S:

Cho anh Huỳnh Ngọc S được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thơm;

- Về con chung: Cháu Huỳnh Ngọc Hà sinh ngày 02/12/1993, cháu Hà đã trưởng thành Tòa không xem xét. Giao cho anh S trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Huỳnh Ngọc Long sinh ngày 26.01.2000. Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con cho chị T cho đến khi anh S có đơn yêu cầu hoặc khi có sự thay đổi khác. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh S, chị T không yêu cầu Tòa giải quyết. Tòa không xem xét.

- Về án phí: Anh Huỳnh Ngọc S phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007202 ngày 10/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm. Anh Huỳnh Ngọc S đã nộp đủ án phí.

- Anh Huỳnh Ngọc S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lý Kế Hiền

Nơi nhận :
- TAND Tp. Hà Nội;
- VKS Q. Nam Từ Liêm,
- VKS Tp. Hà Nội;
- Chi cục THADS Q. Nam Từ Liêm;
- Các đương sự;
- UBND phường Phương Canh, quận nam Từ Liêm để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.